

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải**

Bà **Đào Thị Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 700/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Dương Công Ch**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Lương Ch, xã Tiên D, huyện S, TP. Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị B**, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn Lương Ch, xã Tiên D, huyện S, TP Hà Nội.

Địa chỉ: Thôn Bái Th, xã Thanh X, huyện S, TP. Hà Nội.

Có mặt anh Ch, chị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10.11.2020 và trong quá trình xét xử, anh Dương Công Ch trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị B có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên D, huyện S, thành phố Hà Nội ngày 22/4/2015.

Sau khi kết hôn chị Biên về gia đình anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh tại thôn Lương Ch, xã Tiên D, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nên dẫn đến việc không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị B.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là: Dương Công H, sinh ngày 16/6/2016. Hiện nay cháu H đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị xin được nuôi con, không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm công nhân công ty Yamaha Việt Nam thu nhập bình quân 5.700.000đ đến 5.800.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 20.11.2020 và các lời khai tiếp theo, chị Hoàng Thị B trình bày:***

-Về thời gian, điều kiện kết hôn chị xác nhận như anh Ch trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không tìm được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nên nhiều khi anh Ch còn đánh chị vì vậy chị xác định không thể chung sống cùng anh Ch được nữa, anh Ch làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Ch có 01 con chung là Dương Công H, sinh ngày 16/6/2016. Hiện nay cháu H đang ở với anh Ch. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con, không đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân của Công ty TOTO thu nhập bình quân 6.500.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Dương Công Ch và chị Hoàng Thị B.

+ Về con chung: Giao con chung là Dương Công H, sinh ngày 16/6/2016 cho anh Chung trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ch không đề nghị chị Biên cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ch, chị B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ch xin ly hôn chị B, hiện chị B cư trú tại thôn Bái Th, xã Thanh X, huyện S, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh Dương Công Ch kết hôn cùng chị Hoàng Thị B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên D, huyện S, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2015 ngày 22/4/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn

nhân thì hai bên đều cùng phải yêu thương, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Bản thân anh chị đều xác định sống với nhau không tìm được tiếng nói chung và không có hạnh phúc, không còn tình cảm và cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Công H, sinh ngày 16/6/2016. Ly hôn cả anh Ch và chị B đều đề nghị xin được nuôi con và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy anh Ch và chị B đều có công việc và chỗ ở ổn định để nuôi con. Tuy nhiên, cháu H hiện đang ở với anh Ch và phát triển tốt nên thấy cần tiếp tục giao cháu H cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng để không xáo trộn cuộc sống của con sau khi vợ chồng ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ. Mặc dù anh Ch không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nhưng để đảm bảo quyền lợi của con thấy cần buộc chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực của Tòa án thay thế.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh Ch, chị B không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Ch, chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Công Ch và chị Hoàng Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Công H, sinh ngày 16/6/2016 cho anh Dương Công Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 1/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, anh Ch phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019243 ngày 16.11.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị B phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Ch, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận

- VKSND H. S;
- THADS H. S;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã Tiên D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hồng

